

Sơn Thành, ngày 21 tháng 09 năm 2021

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC BỘ MÔN: SINH HỌC

KẾ HOẠCH CHI TIẾT

MÔN: SINH HỌC LỚP 12

Thời lượng: 35 tuần x 1,5 = 53 tiết (Kỳ 1: 36 tiết, kỳ 2: 17 tiết)

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
1	1,2	Phần năm. DI TRUYỀN HỌC CHƯƠNG I: CƠ CHẾ DI TRUYỀN VÀ BIẾN	Chủ đề: Cơ chế di truyền cấp phân tử	I. Gen. - Mục I.2: Không yêu cầu chi tiết, chỉ giới thiệu 3 vùng như sơ đồ hình 1.1. II. Mã di truyền III. Quá trình nhân đôi của ADN. IV. Phiên mã - Không yêu cầu chi tiết	- Nêu được ĐN gen và kể tên được một vài loại gen (gen điều hòa, gen cấu trúc). - Nêu được ĐN mã di truyền và nêu được một số đặc điểm của mã di truyền. - Trình bày được những diễn biến chính	2	- Dạy học trực tuyến trên Zoom	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
		DỊ		<i>cơ chế phiên mã ở SV nhân thực.</i>	của cơ chế nhân đôi ADN ở TB nhân sơ. - Trình bày được những diễn biến chính của cơ chế phiên mã.			
	3		Chủ đề: Cơ chế di truyền cấp phân tử (tt)	Dịch mã	- Trình bày được những diễn biến chính của cơ chế dịch mã.	1	- Dạy học trực tuyến trên Zoom	
2	4		Bài 3. Điều hoà hoạt động gen.	I. Khái quát về điều hoà hoạt động của gen. II. Điều hoà hoạt động của gen ở sinh vật nhân sơ. 1. Mô hình cấu trúc của một Operon Lac 2. Sự điều hoà hoạt động của operon Lac. a. Khi môi trường không có lactôzơ b. Khi môi trường có lactôzơ <i>- Câu 3 phần Câu hỏi và bài tập, thay từ “Giải thích” bằng từ “Nêu”</i>	- Nêu được khái niệm Ôperon và trình bày được cấu trúc của Ôperon. - Trình bày được cơ chế điều hoà hoạt động gen ở SV nhân sơ (theo mô hình Mônô và Jacôp).. - Nêu được ý nghĩa điều hoà hoạt động gen ở sinh vật nhân sơ.	1	- Dạy học trực tuyến trên Zoom	
	5		Bài 4. Đột biến gen.	I. Khái niệm và các dạng đột biến gen. II. Nguyên nhân và cơ	- Nêu được khái niệm ĐBG. - Phân biệt được các		- Trực quan – tìm tòi. - Dạy học	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
3				<p>ché phát sinh đột biến gen.</p> <p>- Mục II.2. Hình 4.2: HS tự đọc</p> <p>III. Hậu quả và ý nghĩa của đột biến gen.</p>	<p>dạng đột biến gen. Phân biệt đột biến với thể đột biến</p> <p>- Nêu được nguyên nhân, cơ chế chung của các dạng đột biến gen.</p> <p>- Nêu được hậu quả chung và ý nghĩa của đột biến gen.</p>	1	<p>nhóm.</p> <p>- Vấn đáp – tìm tòi.</p>	
	6		<p>Bài 5. Nhiễm sắc thể và đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.</p>	<p>I. Cấu trúc siêu hiển vi của NST</p> <p>II. Đột biến cấu trúc NST</p> <p>1. Mất đoạn.</p> <p>2. Lặp đoạn.</p> <p>3. Đảo đoạn.</p> <p>4. Chuyển đoạn.</p>	<p>- Mô tả được cấu trúc siêu hiển vi của NST.</p> <p>- Kể tên và đặc điểm chính của các dạng ĐB cấu trúc NST.</p> <p>- Nêu được nguyên nhân và cơ chế chung của các dạng ĐB cấu trúc NST.</p>	1	<p>- Trực quan – tìm tòi.</p> <p>- Dạy học nhóm.</p> <p>- Vấn đáp – tìm tòi.</p> <p>- Trình bày 1 phút.</p>	
	7		<p>Bài 6. Đột biến số lượng nhiễm sắc thể.</p>	<p>I. Đột biến lệch bội</p> <p>1. Khái niệm và phân loại</p> <p>Mục I.1. Hình 6.1: Chỉ dạy 2 dạng đơn giản $2n+1$ và $2n-1$</p> <p>2. Cơ chế phát sinh.</p>	<p>- Nêu được khái niệm, nguyên nhân và cơ chế chung của các dạng ĐB SLNST.</p> <p>- Nêu được hậu quả của các dạng đột biến số lượng NST.</p>	1	<p>- Trực quan – tìm tòi.</p> <p>- Dạy học nhóm.</p> <p>- Vấn đáp – tìm tòi.</p> <p>- Trình bày 1</p>	<p>Tích hợp sức khỏe sinh sản</p>

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
4				3. Hậu quả. 4. Ý nghĩa. II. Đột biến đa bội 1. Khái niệm và cơ chế phát sinh thể tự đa bội. 2. Khái niệm và cơ chế phát sinh thể dị đa bội. 3. Hậu quả và vai trò của đột biến đa bội			phút.	
	8	CHƯƠNG II: TÍNH QUI LUẬT CỦA HIỆN TƯỢNG DI TRUYỀN	Bài 8. Quy luật Mendel: Quy luật phân li.	I. Phương pháp nghiên cứu di truyền học của Mendel. II. Hình thành học thuyết khoa học III. Cơ sở tế bào học của quy luật phân li	- Chỉ ra được phương pháp nghiên cứu độc đáo của Mendel. - Trình bày được nội dung, cơ sở tế bào học của quy luật phân li của Mendel. - Giải thích kết quả thí nghiệm cũng như định luật phân li của Mendel. - Giải được các BT cơ bản về quy luật phân li.	1	- Trực quan – tìm tòi. - Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi.	
			Bài 9. Quy luật Mendel: Quy luật	I. Thí nghiệm lai hai tính trạng II. Cơ sở tế bào học III. Ý nghĩa các quy luật	- Nêu được nội dung quy luật phân li độc lập. - Nêu được cơ sở tế bào học của quy luật	1	-Trực quan - Dạy học nhóm - Vấn đáp tìm tòi	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
5	9		phân li độc lập.	Mendel	phân li độc lập. - Nêu được ý nghĩa các quy luật Mendel. - Giải được các BT cơ bản về quy luật phân li độc lập.			
	10		Bài 10. Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen.	I. Tương tác gen 1. Tương tác bổ sung. 2. Tương tác cộng gộp. II. Tác động đa hiệu của gen.	- Nêu được ví dụ về tính trạng do nhiều gen chi phối (tác động cộng gộp) và ví dụ về tác động đa hiệu của gen. - Nhận biết tương tác gen thông qua sự biến đổi tỉ lệ phân li kiểu hình trong các phép lai 2 tính.	1	- Trực quan – tìm tòi. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi. - Trình bày 1 phút.	
	11,12		Bài 11. Liên kết gen và hoán vị gen.	I. Liên kết gen II. Hoán vị gen 1. Thí nghiệm của Moocgan và hiện tượng hoán vị gen 2. Cơ sở tế bào học của hiện tượng hoán vị gen. III. Ý nghĩa của liên kết gen và hoán vị gen	- Nêu được một số đặc điểm cơ bản của di truyền liên kết hoàn toàn. - Nêu được thí nghiệm của Moocgan về di truyền liên kết không hoàn toàn và giải thích được cơ sở tế bào học của hoán	2	- Nêu vấn đề. - Trực quan. - Vấn đáp. - Hoạt động nhóm.	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				1. Ý nghĩa của hiện tượng liên kết gen. 2. Ý nghĩa hiện tượng hoán vị gen	vị gen. Định nghĩa hoán vị gen. - Giải thích được tại sao tần số hoán vị gen lại không vượt quá 50%? - Nêu được ý nghĩa của di truyền liên kết hoàn toàn và di truyền liên kết không hoàn toàn.			
7	13		Bài 12. Di truyền liên kết với giới tính và di truyền ngoài nhân.	I. Di truyền liên kết với giới tính. 1. NST giới tính và cơ chế xác định giới tính bằng NST. 2. Di truyền liên kết với giới tính II. Di truyền ngoài nhân.	- Trình bày được các thí nghiệm và cơ sở tế bào học của di truyền liên kết với giới tính. - Nêu được ý nghĩa của di truyền liên kết với giới tính - Trình bày được đặc điểm của di truyền ngoài NST (di truyền ở ti thể và lục lạp)	1	- Trực quan – tìm tòi. - Giải quyết vấn đề. - Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi.	
	14		Bài 13. Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của	I. Mối quan hệ giữa gen và tính trạng II. Sự tương tác giữa kiểu gen và môi trường. III. Mức phản ứng của	- Nêu được những ảnh hưởng của điều kiện môi trường trong và ngoài đến sự biểu hiện của gen và mối quan hệ giữa kiểu	1	- Trực quan – tìm tòi. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Dạy học nhóm.	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
			gen.	kiểu gen.	gen, môi trường và kiểu hình thông qua một ví dụ - Nêu khái niệm mức phản ứng - Giải thích được mối quan hệ giữa KG và môi trường trong việc hình thành KH.		- Vấn đáp – tìm tòi.	
8	15		Bài 15. Bài tập chương I và chương II	I. Bài tập chương I - Chỉ làm các bài 1, 3,6,8. II. Bài tập chương II - Chỉ làm các bài 2,6,7.	- Xác định được trình tự nucleotit, số codon, bộ ba đối mã. - Nhận biết các dạng DB cấu trúc NST. - Biết cách viết giao tử của thể 2n, 3n, 4n - Biết cách ứng dụng xác suất để giải bài tập di truyền. - Viết được các sơ đồ lai từ P → F ₁ → F ₂ .	1	- Thảo luận nhóm nhỏ. - Vấn đáp. - Làm bài tập.	
	16	CHƯƠNG III: DI TRUYỀN HỌC QUẦN THỂ	Bài 16. Cấu trúc di truyền của quần thể.	I. Các đặc trưng di truyền của quần thể II. Cấu trúc di truyền của quần thể tự thụ phấn và giao phối gần .	- Nêu được định nghĩa quần thể (quần thể di truyền) và tần số tương đối của các alen, các kiểu gen - Nêu được sự biến đổi cấu trúc di truyền	1	- Trực quan – tìm tòi. - Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi. - Khăn trải	Tích hợp sức khỏe sinh sản.

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
					của quần thể tự phối qua các thế hệ. - Biết cách tính tần số alen và tần số kiểu gen của quần thể.		bàn	
9	17		Bài 17. Cấu trúc di truyền của quần thể (t2)	III. Cấu trúc di truyền của quần thể ngẫu phối. + Quần thể ngẫu phối: Đặc điểm di truyền của quần thể ngẫu phối di truyền của quần thể. + Trạng thái cân bằng di truyền của quần thể. - Mục III.2 Lệnh trang 73: Không yêu cầu HS thực hiện. - Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 4 - Không yêu cầu HS thực hiện.	- Phát biểu được nội dung; nêu được ý nghĩa và những điều kiện nghiệm đúng của định luật Hacđi – Vanbec. Xác định được cấu trúc của quần thể khi ở trạng thái cân bằng di truyền. - Biết xác định tần số của các alen.	1	- Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi.	
	18	CHƯƠNG IV: ỨNG DỤNG DI TRUYỀN HỌC	Bài 18. Chọn giống vật nuôi và cây trồng dựa trên nguồn biến dị tổ hợp.	I. Tạo giống thuần dựa trên nguồn biến dị tổ hợp. <i>Mục I. Hình 18.1: HS tự đọc</i> II. Tạo giống lai có ưu thế lai cao.	- Nêu được các nguồn nguyên liệu chọn giống. - Nêu các bước chọn giống từ nguồn biến dị tổ hợp. - Nêu được khái niệm ưu thế lai và trình bày	1	- Trực quan – tìm tòi. - Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi. - Trình bày 1 phút.	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				- Mục II.4. Một vài thành tựu ứng dụng ưu thế lai trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam - HS tự tìm hiểu	được cơ sở di truyền của ưu thế lai. - Giải thích được tại sao ưu thế lai thường cao nhất ở F ₁ và giảm dần ở đời sau.			
10	19	Ôn tập		Khái quát kiến thức từ bài 1 đến bài 17	Hệ thống được kiến thức từ bài 1 đến bài 17	1	- Vấn đáp. - Làm việc nhóm.	
	20	Kiểm tra giữa kỳ 1		- Nội dung từ bài 1 đến bài 17	- Kiểm tra, đánh giá việc tiếp thu kiến thức của học sinh.	1	- Kiểm tra tập trung - GV phát đề. - HS làm bài.	
	21	CHƯƠNG IV: ỨNG DỤNG DI TRUYỀN	Bài 19. Tạo giống bằng phương pháp gây đột biến và công nghệ tế bào.	I. Tạo giống bằng phương pháp gây đột biến. - Mục I.2. Một số thành tựu tạo giống ở Việt Nam - HS tự tìm hiểu II. Tạo giống bằng công nghệ tế bào.	- Nêu được quy trình tạo giống bằng phương pháp gây đột biến. - Có khái niệm sơ lược về công nghệ tế bào ở thực vật và động vật. - Trình bày một số quy trình và thành tựu tạo giống bằng công nghệ tế bào. - Nêu được ý nghĩa thực tiễn của nhân	1	- Trực quan – tìm tòi. - Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi.	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
11		HỌC			bản vô tính ở động vật.			
	22		Bài 20. Tạo giống nhờ công nghệ gen.	<p>I. Công nghệ gen</p> <p>1. Khái niệm công nghệ gen</p> <p>2. Các bước cần tiến hành trong kĩ thuật chuyển gen</p> <p>II. Ứng dụng công nghệ gen trong tạo giống biến đổi gen</p> <p>1. Khái niệm sinh vật biến đổi gen.</p> <p>2. Một số thành tựu tạo giống biến đổi gen.</p>	<p>- Nêu được các khái niệm, nguyên tắc của công nghệ gen trong chọn giống vi sinh vật, thực vật và động vật.</p> <p>- Nêu được những ứng dụng của công nghệ gen trong chọn giống vi sinh vật, thực vật và động vật.</p>	1	<p>- Trực quan – tìm tòi.</p> <p>- Dạy học nhóm.</p> <p>- Vấn đáp – tìm tòi.</p>	
12	23	CHƯƠNG V: DI TRUYỀN HỌC NGƯỜI	Bài 21. Di truyền y học.	<p>I. Tìm hiểu khái niệm di truyền y học, biết được các bệnh di truyền ở người được chia làm hai nhóm lớn.</p> <p>II. Bệnh di truyền phân tử.</p> <p>III. Hội chứng có liên quan đến đột biến NST</p> <p><i>Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 4- Không yêu cầu HS thực hiện.</i></p>	<p>- Hiểu được sơ lược về Di truyền y học.</p> <p>- Nêu được một số tật và bệnh di truyền ở người.</p> <p>- Phân biệt được bệnh và dị tật có liên quan đến bộ NST ở người.</p>	1	<p>- Trực quan – tìm tòi.</p> <p>- Dạy học nhóm.</p> <p>- Vấn đáp – tìm tòi.</p> <p>- Trình bày 1 phút.</p>	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
	24		Bài 22. Bảo vệ vốn gen của loài người và một số vấn đề xã hội của di truyền học.	I. Bảo vệ vốn gen của loài người II. Một số vấn đề xã hội của di truyền học.	- Trình bày được các biện pháp bảo vệ vốn gen của loài người. - Nêu được một số vấn đề xã hội của di truyền học. - Hiểu được sơ lược về di truyền y học tư vấn, liệu pháp gen. - Hiểu được vai trò của tư vấn di truyền và việc sàng lọc trước sinh. - Nêu được việc bảo vệ vốn gen của loài người liên quan tới một số vấn đề: Di truyền học với bệnh AIDS, di truyền trí năng.	1	- Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi.	
	25	PHẦN SÁU: TIẾN HÓA CHƯƠNG I: BẢNG	Bài 24. Các bằng chứng tiến hoá.	I. Bằng chứng giải phẫu so sánh. II. Bằng chứng tế bào học và sinh học phân tử. - <i>Bằng chứng phôi sinh học và địa lí sinh vật</i>	- Trình bày được các bằng chứng giải phẫu so sánh: cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, các cơ quan thoái	1	- Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi. - Thảo luận cặp đôi.	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
13		CHỨNG VÀ CƠ CHẾ TIẾN HÓA		<p><i>học: HS tự đọc</i></p> <p><i>- Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2 và câu 3 - Không yêu cầu HS thực hiện.</i></p>	<p>hoá.</p> <p>- Trình bày được những bằng chứng tế bào học và sinh học phân tử: ý nghĩa của thuyết cấu tạo bằng tế bào; sự thống nhất trong cấu trúc của ADN và prôtêin của các loài.</p>			
	26		<p>Bài 25. Học thuyết Lamac và học thuyết Đacuyn.</p>	<p>I. Học thuyết tiến hóa Lamac.</p> <p><i>Không yêu cầu chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung cuối bài.</i></p> <p>II. Học thuyết tiến hóa Đacuyn</p> <p><i>- Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 1 và câu 3 – Không yêu cầu HS thực hiện</i></p>	<p>- Nêu được thành công và hạn chế của học thuyết Lamac.</p> <p>- Nêu được những luận điểm cơ bản của học thuyết Đacuyn: vai trò của các nhân tố biến dị, di truyền, chọn lọc tự nhiên, phân li tính trạng đối với sự hình thành đặc điểm thích nghi, hình thành loài mới và nguồn gốc chung của các loài.</p>	1	<p>- Trực quan – tìm tòi.</p> <p>- Dạy học nhóm.</p> <p>- Vấn đáp – tìm tòi.</p> <p>- Khăn trải bàn.</p>	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
14	27		Bài 26. Học thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại (t1)	I. Quan niệm tiến hóa và nguồn nguyên liệu tiến hóa. II. Các nhân tố tiến hóa 1. Đột biến 2. Di nhập gen.	- Nêu đặc điểm của thuyết tiến hóa tổng hợp. Phân biệt được khái niệm tiến hóa nhỏ và tiến hóa lớn. - Trình bày được vai trò của đột biến, quá trình giao phối, di nhập gen đối với tiến hóa nhỏ.	1	- Trực quan – tìm tòi. - Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi.	
	28		Bài 26. Học thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại (t2)	II. Các nhân tố tiến hóa 3. Chọn lọc tự nhiên 4. Các yếu tố ngẫu nhiên 5. Giao phối không ngẫu nhiên.	- Trình bày được sự tác động của chọn lọc tự nhiên. Vai trò của quá trình chọn lọc tự nhiên. - Nêu được vai trò của biến động di truyền (các nhân tố ngẫu nhiên), giao phối ngẫu nhiên đối với tiến hóa nhỏ.	1	- Trực quan – tìm tòi. - Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi.	
	29		Chủ đề: Loài và quá trình	I. Nêu được khái niệm loài sinh học. II. Nêu được vai trò của các cơ chế cách li sinh sản.	- Nêu được khái niệm loài sinh học. - Nêu các cơ chế cách li trước và sau hợp tử.	1	- Trực quan – tìm tòi. - Dạy học nhóm. - Vấn đáp – tìm tòi.	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
15			hình thành loài.	- Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 3 - Không thực hiện.			- Trình bày 1 phút.	
	30			III. Bài 27: Quá trình hình thành quần thể thích nghi <i>Không yêu cầu chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung cuối bài.</i> IV. Hình thành loài khác khu vực địa lí. <i>- Mục Thí nghiệm chứng minh qt hình thành loài bằng cách li địa lí: Khuyến khích HS tự đọc.</i>	- Nêu được đặc điểm của quá trình hình thành quần thể thích nghi - Nêu được vai trò, cơ chế quá trình hình thành loài khác khu vực địa lí.	1	- Trực quan – tìm tòi. - Vấn đáp – tìm tòi. - Trình bày 1 phút.	
16	31			V. Hình thành loài cùng khu vực địa lí. 1. Hình thành loài bằng cách li tập tính và cách li sinh thái. 2. Hình thành loài bằng lai xa và đa bội hoá.	- Nêu cơ chế hình thành loài bằng cách li tập tính, cách li sinh thái và cơ chế hình thành loài bằng lai xa và đa bội hoá.	1	- Trực quan- tìm tòi. - Vấn đáp – tìm tòi. - Dạy học nhóm.	
	32	CHƯƠNG II: SỰ PHÁT SINH VÀ	Bài 31. Tiến hóa lớn.	Bài 31. Tiến hóa lớn I. Tiến hóa lớn và vấn đề phân loại thế giới sống <i>- Không yêu cầu chi tiết,</i>	- Nêu được ý nghĩa	1	- Vấn đáp - Dạy học nhóm	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
		PHÁT TRIỂN SỰ SỐNG TRÊN TRÁI ĐẤT	Bài 32. Nguồn gốc sự sống.	<p><i>Chỉ dạy phần chữ đóng khung cuối bài 31</i></p> <p>II. Một số nghiên cứu thực nghiệm về tiến hóa lớn.</p> <p>- <i>Khuyến khích HS tự học.</i></p> <p>Bài 32. Nguồn gốc sự sống</p> <p>- <i>Cả bài - Không yêu cầu chi tiết, chỉ giới thiệu các giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái Đất.</i></p> <p>- <i>Mục Câu hỏi và bài tập – Không yêu cầu HS thực hiện.</i></p>	<p>của việc nghiên cứu tiến hóa lớn</p> <p>- <i>Nêu được các giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái Đất.</i></p>			

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
17	33		Bài 33. Sự phát triển của sinh giới qua các đại địa chất.	<p>I. Hoá thạch và vai trò của hoá thạch.</p> <p>1. Hóa thạch là gì?</p> <p>2. Vai trò của hóa thạch</p> <p>II. Lịch sử phát triển của sinh giới qua các đại địa chất.</p> <p>1. Hiện tượng trôi dạt lục địa</p> <p><i>Khuyến khích HS tự đọc.</i></p> <p>2. Sinh vật trong các đại địa chất</p> <p><i>Không yêu cầu chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài.</i></p>	<p>- Nêu được khái niệm hoá thạch và vai trò của hoá thạch trong nghiên cứu lịch sử phát triển của sinh giới.</p> <p>- Liệt kê được các đại địa chất và sinh vật điển hình trong các đại.</p>	1	<p>- Dạy học nhóm</p> <p>- Vấn đáp – tìm tòi</p>	
	34		Bài 34. Sự phát sinh loài người.	<p>I. Quá trình phát sinh loài người hiện đại.</p> <p>1. Bằng chứng về nguồn gốc động vật của loài người.</p> <p>2. Các dạng vượn người</p>	<p>- Giải thích được nguồn gốc động vật của loài người dựa trên các bằng chứng giải phẫu so sánh, phôi sinh học so</p>	1	<p>- Trực quan-tìm tòi</p> <p>- Dạy học nhóm</p> <p>- Vấn đáp-tìm tòi.</p>	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				hóa thạch và quá trình hình thành loài người. <i>Khuyến khích HS tự đọc.</i> II. Người hiện đại và sự tiến hóa văn hóa. - <i>Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2 – Không yêu cầu HS thực hiện.</i>	sánh, đặc biệt là sự giống nhau giữa người và vượn người. - Nêu được đặc điểm của người hiện đại. - Nêu được sự tiến hoá văn hoá.			
18	35		Ôn tập	Nội dung kiến thức từ bài 1 đến bài 31	Hệ thống hóa kiến thức HKI	1	- Sử dụng sơ đồ tư duy để ôn tập	
	36		Kiểm tra cuối kỳ I	- Nội dung từ bài 1 đến bài 31	- Kiểm tra, đánh giá việc tiếp thu kiến thức của học sinh.	1	- Kiểm tra tập trung	
19	37	PHẦN BẢY: SINH THÁI HỌC CHƯƠNG I: CÁ THỂ VÀ QUẦN THỂ SINH VẬT	Bài 35. Môi trường sống và các nhân tố sinh thái.	I. Môi trường sống và các nhân tố sinh thái. II. Giới hạn sinh thái và ổ sinh thái. III. Sự thích nghi của sinh vật với môi trường sống - <i>Mục III. Lệnh trang 153: Không yêu cầu HS thực hiện</i>	- Nêu được các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên cơ thể sinh vật. - Nêu được khái niệm ổ sinh thái, phân biệt được nơi ở và ổ sinh thái. - Nêu được một số nhóm sinh vật theo	1	- Trực quan. - Thảo luận cặp đôi - Dạy học nhóm - Vấn đáp-tìm tòi. - Chúng em biết 3.	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
					giới hạn sinh thái của các nhân tố môi trường. - Nêu được sự thích nghi sinh thái và tác động trở lại của sinh vật lên môi trường.			
20	38	PHẦN BẢY: SINH THÁI HỌC CHƯƠNG I: CÁ THỂ VÀ QUẦN THỂ SINH VẬT	Bài 36. Quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể.	I. Quần thể sinh vật và quá trình hình thành quần thể. II. Quan hệ giữa các cá thể trong quần thể. - <i>Lệnh trang 157, 159: Không yêu cầu HS thực hiện</i>	- Định nghĩa được khái niệm quần thể. - Nêu được các mối quan hệ sinh thái giữa các cá thể trong quần thể: Quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh. - Nêu được ý nghĩa sinh thái của các quan hệ đó.	1	- Dạy học nhóm - Vấn đáp-tìm tòi - Chúng em biết 3. - Trực quan-tìm tòi.	
21	39		Bài 37. Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật	I. Tỷ lệ giới tính. II. Nhóm tuổi. - <i>Lệnh trang 162, 163 và hình 37.2: Không yêu cầu HS thực hiện</i> III. Sự phân bố cá thể của quần thể.	- Nêu được khái niệm tỉ lệ giới tính, các yếu tố ảnh hưởng đến tỉ lệ giới tính. - Nêu các kiểu phân bố cá thể trong không gian, và ý nghĩa mỗi	1	- Trực quan-tìm tòi - Dạy học nhóm - Vấn đáp-tìm tòi	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				IV. Mật độ cá thể của quần thể.	kiểu phân bố đó. - Nêu khái niệm mật độ cá thể của quần thể. Nêu được ảnh hưởng của mật độ tới các đặc điểm sinh thái khác của quần thể.			
22	40		Bài 38. Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật (tiếp theo)	V. Kích thước của quần thể sinh vật. VI. Tăng trưởng của quần thể sinh vật. - <i>Lệnh 168: Không yêu cầu HS thực hiện</i> VII. Tăng trưởng của quần thể người - <i>HS tự đọc.</i>	- Nêu được khái niệm kích thước quần thể, kích thước tối thiểu và kích thước tối đa. - Phân tích hậu quả của kích thước cá thể quần thể quá nhỏ hoặc quá lớn. - Nêu được những yếu tố ảnh hưởng tới kích thước của quần thể. - Nêu được sự tăng trưởng kích thước quần thể trong điều kiện môi trường bị giới hạn và không bị	1	- Trực quan- tìm tòi - Dạy học nhóm - Vấn đáp- tìm tòi	- <i>Tích hợp bảo vệ môi trường.</i>

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
					giới hạn.			
23	41		Bài 39. Biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật.	<p>I. Biến động số lượng cá thể</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Biến động theo chu kỳ. 2. Biến động không theo chu kỳ. <p>II. Nguyên nhân gây biến động và sự điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên nhân gây biến động số lượng cá thể của quần thể 2. Sự điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể. 3. Trạng thái cân bằng của quần thể 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm và các dạng biến động số lượng của quần thể: theo chu kỳ và không theo chu kỳ. - Nêu nguyên nhân gây biến động và sự điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể. - Nêu được cơ chế điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể. - Hiểu được khái niệm “trạng thái cân bằng của quần thể” và cơ chế duy trì trạng thái cân bằng của quần thể. - Vận dụng những kiến thức của bài học vào việc giải thích các vấn đề có liên quan trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi 	1	<ul style="list-style-type: none"> - Trực quan-tìm tòi - Dạy học nhóm - Vấn đáp-tìm tòi. 	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
					trường.			
24	42	CHƯƠNG II: QUẦN XÃ SINH VẬT	Chủ đề: Quần xã sinh vật	<p>I. Khái niệm quần xã.</p> <p>II. Một số đặc trưng cơ bản của quần xã.</p> <p>1. Đặc trưng về thành phần loài trong quần xã.</p> <p>2. Đặc trưng về phân bố cá thể trong không gian của quần xã.</p> <p>III. Quan hệ giữa các loài trong quần xã</p> <p>1. Các mối quan hệ sinh thái.</p> <p>2. Hiện tượng khống chế sinh học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được định nghĩa và lấy được VD minh họa về QXSV. - Mô tả được các đặc trưng cơ bản của QX, lấy VD minh họa cho các đặc trưng đó. - Trình bày được các mối quan hệ giữa các loài trong quần xã. 	1	<ul style="list-style-type: none"> - Trực quan tìm tòi - Dạy học nhóm - Vấn đáp tìm tòi - Thảo luận cặp đôi. - Trình bày 1 phút. 	
25	43		Chủ đề: Quần xã sinh vật (tt)	<p>IV. Diễn thế sinh thái</p> <p>1. Khái niệm diễn thế.</p> <p>2. Các loại diễn thế sinh thái.</p> <p>3. Nguyên nhân của diễn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm diễn thế sinh thái, nêu được đặc điểm các dạng diễn thế sinh thái. - Nêu nguyên nhân và 	1	<ul style="list-style-type: none"> - Trực quan - Dạy học nhóm - Vấn đáp. 	<i>Tích hợp bảo vệ môi trường.</i>

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				thể sinh thái. Mục III.3. Lệnh trang 184, Bảng 41 – <i>Không yêu cầu HS thực hiện.</i> 4. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu diễn thế sinh thái.	ý nghĩa của diễn thế sinh thái. - So sánh diễn thế nguyên sinh và thứ sinh.			
26	44	Ôn tập		- Khái quát toàn bộ kiến thức từ bài 32 đến bài 40.	- Hệ thống hóa kiến thức từ bài 32 đến bài 40.	1	- Vấn đáp. - Làm việc nhóm.	
27	45	Kiểm tra giữa kỳ II		- Nội dung từ bài 32 đến bài 40.	- Kiểm tra, đánh giá việc tiếp thu kiến thức của học sinh.	1	- Kiểm tra tập trung	
28	46	CHƯƠNG III: HỆ SINH THÁI, SINH QUYỀN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	Bài 42. Hệ sinh thái.	I. Khái niệm hệ sinh thái II. Các thành phần cấu trúc của hệ sinh thái III. Các kiểu hệ sinh thái chủ yếu trên Trái Đất	- Nêu được khái niệm hệ sinh thái - Các thành phần cấu trúc của hệ sinh thái. - Trình bày đặc điểm các kiểu hệ sinh thái chủ yếu trên Trái Đất.	1	- Trực quan-tìm tòi - Dạy học nhóm - Vấn đáp-tìm tòi.	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
29	47	CHƯƠNG III: HỆ SINH THÁI, SINH QUYỀN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	Bài 43. Trao đổi vật chất trong hệ sinh thái.	I. Trao đổi vật chất trong quần xã sinh vật. 1. Chuỗi thức ăn 2. Lưới thức ăn 3. Bậc dinh dưỡng II. Tháp sinh thái.	- Nêu khái niệm chuỗi thức ăn. - Nêu khái niệm lưới thức ăn. - Nêu khái niệm tháp sinh thái, biết được có 3 loại hình tháp sinh thái. - Biết lập hồ sơ về 47 chuỗi và lưới thức ăn. - Nêu được khái niệm bậc dinh dưỡng.	1	- Trực quan - Dạy học nhóm - Vấn đáp - Thảo luận cặp đôi. - Trình bày 1 phút	
30	48		Bài 44. Chu trình sinh địa hóa và sinh quyển	I. Trao đổi vật chất qua chu trình sinh địa hóa. II. Một số chu trình sinh địa hóa. 1. Chu trình Cacbon 2. Chu trình Nitơ - Không yêu cầu chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung cuối bài. 3. Chu trình nước	- Nêu khái niệm chu trình sinh địa hoá các chất. - Mô tả được các chu trình sinh địa hoá của cacbon, nước. - Nêu khái niệm sinh quyển và các khu sinh học	1	- Trực quan- tìm tòi - Dạy học nhóm - Vấn đáp- tìm tòi - Thảo luận cặp đôi.	<i>Tích hợp bảo vệ môi trường.</i>

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
				- HS tự đọc. III. Sinh quyển.				
31	49		Bài 45. Dòng năng lượng trong hệ sinh thái và hiệu suất sinh thái.	I. Dòng năng lượng trong hệ sinh thái. 1. Phân bố năng lượng trên Trái Đất 2. Dòng năng lượng trong hệ sinh thái - <i>Lệnh trang 202 (Quan sát lại...): Không yêu cầu HS thực hiện.</i> II. Hiệu suất sinh thái. - <i>Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 4: Không yêu cầu HS thực hiện.</i>	- Mô tả được một cách khái quát về dòng năng lượng trong hệ sinh thái. - Nêu được khái niệm về hiệu suất sinh thái. - Giải thích được sự tiêu hao năng lượng giữa các bậc dinh dưỡng. - Giải thích vì sao chuỗi thức ăn trong HST không thể kéo dài? - Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên.	1	- Trực quan-tìm tòi. - Dạy học nhóm. - Vấn đáp-tìm tòi.	
32	50	Ôn tập		- Phần Tiến hóa	- Khái quát hóa toàn bộ nội dung kiến thức của phần tiến hóa.	1	- Vấn đáp. - Dạy học nhóm.	
33	51	Ôn tập		- Phần Sinh thái học	- Khái quát được nội dung sinh thái học từ cá thể đến quần thể, quần xã và hệ sinh thái.	1	- Vấn đáp. - Dạy học nhóm.	

Tuần	Tiết	Chương	Bài/Chủ đề	Mạch nội dung kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Thời lượng (Số tiết)	Hình thức tổ chức dạy học	Ghi chú
34	52	Ôn tập CT Sinh học THPT		I. Giới thiệu chung về thế giới sống. II. Sinh học tế bào III. Sinh học vi sinh vật IV. Sinh học cơ thể V. Di truyền học	- Hệ thống lại kiến thức cơ bản trong chương trình giúp học sinh sâu chuỗi các kiến thức cơ bản trọng tâm một cách cô đọng.	1	- Vấn đáp. - Dạy học nhóm.	
35	53	Kiểm tra cuối kỳ 2		- Nội dung từ bài 32 đến bài 45.	- Kiểm tra, đánh giá việc tiếp thu kiến thức của học sinh.	1	Tập trung	

Nhóm trưởng bộ môn

Tổ trưởng chuyên môn

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Sông Nhì

Nguyễn Thị Sông Nhì